**BÀI 30. KHAI THÁC THẾ MẠNH ĐỂ PHÁT TRIỂN KINH TẾ**

**Ở TÂY NGUYÊN**

**I. Khái quát**

**1. Vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ**

- Tây Nguyên có diện tích hơn 54,5 nghìn km2, gồm 5 tỉnh

- Tây Nguyên tiếp giáp

🡪Tây Nguyên có vị trí chiến lược về kinh tế - xã hội và an ninh quốc phòng của nước ta.

**2. Dân số**

- Năm 2021, số dân của Tây Nguyên khoảng 6,0 triệu người (chiếm 6,1% số dân cả nước)

- Mật độ dân số khoảng 111 người/km2.

- Vùng có tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên còn cao, khoảng 1,25%.

- Tỉ lệ dân thành thị đạt 28,9%.

- Tỉ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên chiếm 58,3% số dân của vùng.

- Tây Nguyên là địa bàn sinh sống của nhiều dân tộc như Kinh, Ba na, E-đê, Gia-rai, Co-ho,...

**II. Thế mạnh, hạn chế và tình hình phát triển một số ngành kinh tế**

**1. Phát triển cây công nghiệp lâu năm**

**a)** **Thế mạnh và hạn chế**

**\* Địa hình và đất:**

- Địa hình chủ yếu là các cao nguyên xếp tầng với diện tích bề mặt khá rộng lớn

- Các cao nguyên có đất badan màu mỡ

→ Thuận lợi cho việc quy hoạch vùng chuyên canh cây công nghiệp lâu năm quy mô lớn.

**\* Khí hậu:**

**-** Mang tính chất cận xích đạo gió mùa với mùa mưa và mùa khô rõ rệt

→ Phù hợp đặc điểm sinh thái của nhiều loại cây công nghiệp.

- Mùa khô kéo dài thích hợp cho phơi sấy, bảo quản nông sản.

- Khí hậu phân hóa theo độ cao địa hình tạo cơ cấu cây trồng đa dạng.

\* **Nguồn nước:**

- Tây Nguyên có các hệ thống sông như Sê San, Srêpôk, Đồng Nal,..

- Các hồ tự nhiên như hồ Lắk, Biển Hồ,... cùng các hồ thủy điện

- Nguồn nước ngầm khá phong phú

→ Đem lại nguồn nước tưới dồi dào.

\* **Dân cư, lao động:**

- Tây Nguyên là địa bàn cư trú của nhiều dân tộc

- Người dân giàu kinh nghiệm sản xuất, đặc biệt trong trồng và chế biến cây công nghiệp.

- Năm 2021, tỉ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên chiếm hơn 50% số dân của vùng.

- Trình độ người lao động ngày càng được nâng cao, tạo điều kiện thuận lợi cho việc áp dụng các thành tựu khoa học - kĩ thuật vào sản xuất và chế biến sản phẩm cây công nghiệp.

**\* Cơ sở vật chất - kĩ thuật**:

- Mạng lưới cơ sở chế biến nguyên liệu cây công nghiệp trong vùng ngày càng hoàn thiện.

- Tây Nguyên đang đầu tư ứng dụng khoa học - công nghệ trong sản xuất như: công nghệ tưới tiết kiệm nước, công nghệ cải tiến giống,...

**\* Thị trường:**

- Thị trường tiêu thụ trong và ngoài nước rộng lớn và ngày càng mở rộng.

- Nhiều sản phẩm cây công nghiệp của vùng đáp ứng các tiêu chuẩn xuất khẩu sang Nhật Bản, EU,…

\* **Khó khăn**

**-** Mùa khô kéo dài gây thiếu nước tưới cho cây trồng

- Những nơi địa hình dốc dễ bị rửa trôi, xói mòn.

- Thị trường có nhiều biến động.

- Cơ sở vật chất – kĩ thuật còn hạn chế, chưa đáp ứng được nhu cầu sản xuất hàng hóa quy mô lớn.

**b) Tình hình phát triển và phân bố**

- Tây Nguyên là một trong những vùng chuyên canh cây công nghiệp lâu năm lớn của nước ta.

- Cơ cấu cây công nghiệp trong vùng khá đa dạng, bao gồm cả cây công nghiệp nhiệt đới như cà phê, hồ tiêu, cao su, điều,... và cây công nghiệp cận nhiệt như chè.

- Gần đây, Tây Nguyên đang đẩy mạnh ứng dụng khoa học - công nghệ trong phát triển cây công nghiệp, đem lại hiệu quả kinh tế ngày càng cao.

- Cà phê:

+ Nguyên là vùng trồng cà phê lớn nhất nước ta.

+ Cà phê Robusta được trồng nhiều trên những cao nguyên thấp ở Đắk Lắk, Đắk Nông,…

+ Cà phê Arabica được trồng trên các cao nguyên tương đối cao, khí hậu mát hơn ở Gia Lai, Kon Tum và Lâm Đồng.

- Cao su:

+ Diện tích lớn thứ 2 cả nước, sau Đông Nam Bộ.

+ Cao su được trồng chủ yếu ở khu vực địa hình thấp, khuất gió của Gia Lai, Kon Tum.

- Hồ tiêu:

+ Là cây trồng có giá trị kinh tế cao của Tây Nguyên.

+ Nhiều năm qua, sản xuất hồ tiêu của vùng luôn dẫn đầu cả nước.

+ Hồ tiêu được trồng nhiều trên các cao nguyên ở Đắk Nông, Đắk Lắk, Gia Lai,...

- Điều: được trồng nhiều ở vùng địa hình thấp của nhiều tỉnh Gia Lai, Đắk Lắk, Lâm Đồng,...

- Chè: được trồng nhiều trên các cao nguyên cao ở Lâm Đồng, Gia Lai,...

**2. Phát triển thuỷ điện và khai thác khoáng sản**

**a) Phát triển thuỷ điện**

**\* Thế mạnh và hạn chế**

- Tây Nguyên là vùng có trữ năng thuỷ điện đứng thứ 2 cả nước.

- Tiềm năng thủy điện: tập trung trên một số hệ thống sông chính như Sê San, Srêpôk, Đồng Nai.

- Các sông chảy qua địa hình cao nguyên xếp tầng, thuận lợi trong xây dựng các bậc thang thủy điện.

- Tuy nhiên, vào mùa khô, nhiều nhà máy thuỷ điện giảm công suất hoạt động do thiếu nước.

\* **Tình hình phát triển và phân bố**

- Tây Nguyên đã hình thành các bậc thang thủy điện trên các hệ thống sông:

+ Trên lưu vực sông Sê San có các nhà máy thủy điện như Ialy (720 MW), Sê San 3 (260 MW), Sê San 4 (360 MW),... Ialy là nhà máy thủy điện có công suất lớn, đóng vai trò quan trọng về kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng của vùng và cả nước.

+ Trên lưu vực sông Srêpôk có các nhà máy thủy điện như Buôn Kuốp (280 MW), Buôn Tua Srah (86 MW), Srêpôk 3 (220 MW),...

+ Trên hệ thống sông Đồng Nai có các nhà máy thủy điện như Đồng Nai 3 (180 MW), Đồng Nai 4 (340 MW),...

\* Phát triển thủy điện ở Tây Nguyên góp phần

- Cung cấp năng lượng cho vùng và hòa vào lưới điện quốc gia

- Tạo cơ sở năng lượng cho phát triển công nghiệp, nhất là công nghiệp khai khoáng.

\* Các hồ thủy điện có vai trò quan trọng trong:

- Điều tiết nguồn nước, hạn chế lũ lụt

- Cung cấp nước tưới cho cây trồng

- Tận dụng mặt nước nuôi trồng thủy sản

- Phát triển du lịch.

**b) Khai thác khoáng sản**

**\* Thế mạnh và hạn chế**

- Tây Nguyên có trữ lượng bô-xít lớn, ước đạt hơn 8,2 tỉ tấn, chiếm khoảng 86% trữ lượng bô-xít cả nước. Phân bố chủ yếu ở Đắk Nông, Lâm Đồng, Gia Lai. Quặng bô-xít ở Tây Nguyên có hàm lượng nhôm cao, từ 35 - 40%, phần lớn các mỏ lộ thiên nên việc khai thác khá thuận lợi.

- Tuy nhiên, vùng còn thiếu đội ngũ lao động có trình độ kĩ thuật.

- Địa hình đồi núi gây khó khăn cho phát triển cơ sở hạ tầng giao thông, hạ tầng công nghiệp.

**\* Tình hình phát triển và phân bố**

- Tây Nguyên có 2 tổ hợp khai thác bô-xít - a-lu-min tại Tân Rai (Lâm Đồng) và Nhân Cơ (Đắk Nông).

- Khai thác bô-xít đạt trên 5 triệu tấn năm 2021. Giai đoạn 2018 - 2021, các nhà máy chế biến bô-xít sản xuất khoảng 1,3 triệu tấn a-lu-min mỗi năm.

- Hầu hết sản phẩm a-lu-min được xuất khẩu, chủ yếu vào các thị trường Ấn Độ, UAE, Trung Quốc, Hàn Quốc, Liên bang Nga, Thái Lan,..., và một phần tiêu thụ trong nước.

+ Phát triển công nghiệp khai thác bô-xít cần đi đôi với bảo vệ môi trường.

**3. Phát triển lâm nghiệp**

**a) Thế mạnh và hạn chế**

- Tây Nguyên có diện tích và độ che phủ rừng khá lớn, đứng thứ 3 cả nước.

- Năm 2021, tổng diện tích rừng ở Tây Nguyên gần 2,6 triệu ha, tỉ lệ che phủ rừng đạt 46,3%.

- Vùng có nhiều kiểu hệ sinh thái rừng:

+ Rừng nhiệt đới gió mùa thường xanh

+ Rừng gió mùa nửa rụng lá,… với tính đa dạng sinh học cao.

- Trong rừng có

+ Nhiều loại gỗ quý như cẩm lai, gụ mật, nghiền, trắc, sến,...

+ Các cây dược liệu quý như sâm Ngọc Linh, sa nhân, hà thủ ô trắng,...

+ Có các khu dự trữ sinh quyển thế giới như Kon Hà Nừng, Langbiang

+ Có các vườn quốc gia như Chư Mom Ray, Yok Đôn,...

- Tuy nhiên, vùng có mùa khô kéo dài ảnh hưởng đến khả năng sinh trưởng và phục hồi rừng, bên cạnh đó còn tiềm ẩn nguy cơ gây cháy rừng.

**b) Hoạt động lâm nghiệp và bảo vệ rừng**

\* Trồng rừng, khoanh nuôi và bảo vệ rừng:

- Tây Nguyên chú trọng giữ vững diện tích rừng tự nhiên, đặc biệt là các rừng đầu nguồn và bảo tồn tài nguyên sinh vật tại các vườn quốc gia.

- Diện tích rừng trồng của vùng có xu hướng tăng.

- Các địa phương thực hiện giao đất, cho thuê đất lâm nghiệp đối với các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định; giao rừng, khoán bảo vệ rừng cho hộ gia đình và cộng đồng trong buôn, làng.

\* Khai thác, chế biến gỗ và lâm sản:

- Sản lượng gỗ khai thác của vùng những năm qua tăng.

- Gỗ sau khai thác đã được chú ý ở khâu chế biến, giúp gia tăng giá trị của sản phẩm từ gỗ.

- Tuy nhiên, sản phẩm gỗ chế biến sâu còn ít.

- Vùng còn phát tiên khai thác các lâm sản khác như tre, luồng, song mây, nhựa thông

- Những năm gần đây, Tây Nguyên đẩy mạnh ứng dụng khoa học – công nghệ vào các lĩnh vực:

+ Chọn tạo và nhân giống cây lâm nghiệp

+ Quản lí và bảo vệ tài nguyên rừng

+ Khai thác, vận chuyển, chế biến và bảo quản lâm sản

**4. Phát triển du lịch**

**a) Thế mạnh và hạn chế**

- Tây Nguyên có nguồn tài nguyên du lịch đa dạng

+ Tài nguyên du lịch tự nhiên (công viên địa chất toàn cầu Đắk Nông, núi Langbiang, Biển Hồ)

+ Tài nguyên đu lịch văn hóa (Không gian văn hóa Cồng chiêng Tây Nguyên, Di tích Chiến thắng Đắk Tô - Tân Cảnh, Nhà đày Buôn Ma Thuột,...)

- Tây Nguyên đang đầu tư phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng và vật chất - kĩ thuật phục vụ du lịch, giúp cho vùng có thể kết nối thuận lợi với các vùng trong nước và quốc tế.

- Các tỉnh Tây Nguyên ban hành nhiều chính sách thu hút đầu tư, tăng cường các biện pháp quản lí và truyền thông du lịch để nâng cao hiệu quả hoạt động của ngành du lịch.

- Tuy nhiên, mùa mưa kéo đài, một số nơi mạng lưới giao thông chưa đồng bộ gây khó khăn cho khai thác các thế mạnh du lịch của vùng.

**b) Tình hình phát triển**

- Ngành du lịch của Tây Nguyên phát triển khá nhanh trong những năm gần đây.

- Năm 2022, Tây Nguyên đóng góp 9% số lượt khách du lịch và 0,4% doanh thu du lịch lữ hành cả nước.

- Tây Nguyên có các điểm du lịch và các hoạt động văn hóa thu hút khách du lịch như:

+ Vườn quốc gia Tà Đùng (Đắk Nông), Măng Đen (Kon Tum),

+ Núi lửa Chư Đăng Ya (Gia Lai)

+ Lễ hội Cồng chiêng Tây Nguyên, lễ hội Cà phê Buôn Ma Thuột,...

Đà Lạt là trung tâm du lịch nổi tiếng của vùng, thu hút nhiều lượt khách trong nước và quốc tế, đồng thời là một cực của tam giác tăng trưởng du lịch phía Nam.

- Ngành du lịch ở Tây Nguyên đang được chú trọng đầu tư để phát triển tương xứng với tiềm năng.

**CÂU HỎI ÔN TẬP**

**Câu 1.** Ý nào sau đây đúng về vị trí địa lí của Tây Nguyên?

A. Tất cả các tỉnh đều có đường biên giới với Cam-pu-chia.

B. Giáp Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung ở phía đông.

C. Có vị trí chiến lược trong an ninh quốc phòng biển, đảo.

D. Tiếp giáp với các nước láng giềng Trung Quốc và Lào.

**Câu 2.** Tây Nguyên bao gồm mấy tỉnh?

A. 5. B. 6. C. 7. D. 8.

**Câu 3.** Nhận định nào sau đây **không** đúngvề vị trí địa lý của Tây Nguyên?

A. Giáp biển Đông. B. Liền kề vùng Đông Nam Bộ.

C. Tiếp giáp Lào và Campuchia. D. Nằm sát vùng Duyên hải Nam Trung Bộ.

**Câu 4.** Ý nào dưới đây đúng về đặc điểm dân số của Tây Nguyên?

A. Có quy mô dân số lớn. B. Mật độ dân số thấp.

C. Tỉ lệ dân thành thị cao. D. Tỉ lệ tăng dân số rất thấp.

**Câu 5.** Đặc điểm nào sau đây đúng với dân cư của vùng Tây Nguyên?

A. Tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên dưới 1%. B. Số dân đông nhưng mật độ dân số lại thấp.

C. Là vùng có số dân và mật độ dân số đều thấp. D. Tỉ lệ gia tăng dân số cao, tỉ lệ dân thành thị cao.

**Câu 6.** Đặc điểm nào sau đây **không** đúngvới dân cư vùng Tây Nguyên (năm 2021)?

A. Có số dân đông và gia tăng dân số tự nhiên ở mức trên 2%.

B. Là nơi sinh sống của nhiều dân tộc.

C. Có mật độ dân số thấp hơn mức trung bình cả nước.

D. Tỉ lệ gia tăng dân số cao hơn mức trung bình cả nước.

**Câu 7.** Vùng Tây Nguyên **không** có thế mạnh kinh tế nào sau đây?

A. Phát triển cây công nghiệp lâu năm. B. Phát triển thủy điện.

C. Phát triển tổng hợp kinh tế biển. D. Phát triển lâm nghiệp.

**Câu 8.** Thế mạnh về tự nhiên trong việc phát triển cây công nghiệp lâu năm ở vùng Tây Nguyên là

A. có mùa mưa và mùa khô phân hóa rõ rệt. B. là nơi bắt nguồn của nhiều sông lớn.

C. diện tích đất ba-dan lớn, tập trung thành các vùng rộng. D. khí hậu có tính chất đai cao.

**Câu 9.** Hạn chế của tự nhiên đối với việc phát triển cây công nghiệp ở vùng Tây Nguyên là

A. thiếu nước về mùa khô. B. mưa nhiều.

C. gió Tây khô nóng. D. lũ lụt.

**Câu 10.** Khí hậu đặc trưng của Tây Nguyên có tính chất

A. xích đạo với nền nhiệt cao quanh năm. B. cận xích đạo với một mùa mưa và một mùa khô.

C. nhiệt đới khô với một mùa khô sâu sắc. D. nhiệt đới ẩm gió mùa có mùa đông lạnh.

**Câu 11.** Cây trồng chính của vùng Tây Nguyên là

A. cây công nghiệp lâu năm. B. cây công nghiệp hàng năm.

C. cây lương thực, thực phẩm. D. cây dược liệu.

**Câu 12.** Tây Nguyên là vùng đứng đầu cả nước về

A. diện tích cây cà phê. B. trữ năng thủy điện. C. diện tích cây ăn quả. D. sản lượng cây cao su.

**Câu 13.** Rừng ở vùng Tây Nguyên bị suy giảm do nguyên nhân chủ yếu nào sau đây?

A. Khí hậu không thuận lợi, mùa khô kéo dài.

B. Công tác giao đất, giao rừng chưa được đẩy mạnh.

C. Nhu cầu gỗ cho tiêu dùng và công nghiệp chế biến ngày càng cao.

D. Nạn phá rừng gia tăng, công tác quản lí rừng chưa tốt.

**Câu 14.** Khó khăn lớn nhất trong phát triển lâm nghiệp ở vùng Tây Nguyên là

A. vùng có độ che phủ rừng khá lớn, đứng thứ ba trong các vùng của cả nước.

B. mùa khô kéo dài ảnh hưởng đến khả năng sinh trưởng và phục hồi hồi rừng.

C. trong rừng có nhiều gỗ quý và các cây dược liệu có giá trị kinh tế cao.

D. vùng có nhiều khu dự trữ sinh quyển thế giới và vườn quốc gia.

**Câu 15.** Vùng Tây Nguyên có thế mạnh về thủy điện do

A. sông ở vùng này có dòng chảy êm đềm. B. vùng có nhiều hệ thống sông lớn.

C. sông ở vùng này có nhiều phụ lưu. D. sông ở vùng này có hai mùa nước rõ rệt.

**Câu 16.** Việc xây dựng các bậc thang thủy điện trên các lưu vực sông ở vùng Tây Nguyên **không** có ý nghĩa nào sau đây?

A. Thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. B. Bảo vệ tài nguyên và môi trường.

C. Phòng chống ô nhiễm nước sông. D. Đảm bảo ngưồn nước phục vụ sản xuất và đời sống.

**Câu 17.** Việc xây dựng nhiều bậc thang thuỷ điện trên sông ở vùng Tây Nguyên có ý nghĩa nào sau đây?

A. Bảo vệ môi trường không khí.

B. Chống ô nhiễm nguồn nước sông và xói mòn đất.

C. Chống biến đổi khí hậu và nước biển dâng.

D. Tiết kiệm được nguồn nước và điều tiết được dòng chảy.

**Câu 18.** Tài nguyên du lịch nào sau đây **không** nằm ở vùng Tây Nguyên?

A. Công viên địa chất toàn cầu Đắk Nông, núi Langbiang, Biển Hồ,

B. Không gian văn hóa Cồng chiêng Tây Nguyên.

C. Di tích Chiến thắng Đắk Tô – Tân Cảnh, Nhà đày Buôn Ma Thuột.

D. Núi Bà Đen, Địa đạo Củ Chi, Bến cảng Nhà Rồng.

Hãy chọn đúng hoặc sai trong mỗi ý A, B, C, D ở mỗi câu sau đây:

**Câu 19.** *Tây Nguyên là vùng chuyên canh cây công nghiệp hàng đầu của cả nước. Các thành tựu công nghệ cao được ứng dụng trong sản xuất cây công nghiệp, góp phần nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, đáp ứng được thị trường trong nước và quốc tế.*

A. Cơ cấu cây công nghiệp đa dạng, một số cây công nghiệp chính là cà phê, chè, cao su, điều, hồ tiêu.

A. Đúng. B. Sai.

B. Cao su là cây trồng quan trọng nhất trong vùng và chiếm diện tích lớn nhất cả nước.

A. Đúng. B. Sai.

C. Điều là cây trồng quan trọng và là mặt hàng xuất khẩu có giá trị kinh tế cao, thị trường tiêu thụ rộng lớn.

A. Đúng. B. Sai.

D. Cây chè chủ yếu tập trung ở tỉnh lâm đồng và được ứng dụng công nghệ mới trong việc trồng và chế biến sản phẩm.

A. Đúng. B. Sai.

**Câu 20.** *Vùng Tây Nguyên có nhiều thế mạnh để phát triển thủy điện, tiềm năng thủy điện, trữ năng thủy điện đứng thứ hai nước ta sau vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ. Việc xây dựng các nhà máy thủy điện trong vùng góp phần cung cấp năng lượng điện cho cả nước.*

A. Sản lượng thủy điện sản xuất năm 2021 của vùng chiếm khoảng 50% cả nước.

A. Đúng. B. Sai.

B. Nhiều nhà máy thủy điện được xây dựng theo kiểu bậc thnag trên hệ thống sông Sê San, Sr êp ôk.

A. Đúng. B. Sai.

C. Việc phát triển thủy điện còn góp phần giữ mực nước ngầm và ngăn ngừa lũ lụt.

A. Đúng. B. Sai.

D. Các hồ thủy điện được khai thác để nuôi trồng thủy sản và phát triển du lịch.

A. Đúng. B. Sai.

**Câu 21.** Biết năm 2022, vùng Tây Nguyên có tổng diện tích tự nhiên là 54,5 nghìn km2, tổng số dân là 6.092,4 nghìn người, tính mật độ dân số vùng Tây Nguyên năm 2022 (đơn vị tính: người/km2, làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

**Câu 22.** Biết năm 2021, diện tích trồng cây cà phê toàn vùng Tây Nguyên là 657,4 nghìn ha, sản lượng đạt 1.748,2 nghìn tấn. Tính năng suất cà phê của Tây Nguyên năm 2021 đơn vị tính: tạ/ha, làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

**Câu 23.** Biết năm 2021, sản lượng cà phê của cả nước khoảng 1838,0 nghìn tấn, trong đó các vùng khác đạt 89,8 nghìn tấn (trừ Tây Nguyên). Tính tỷ lệ sản lượng cà phê của Tây Nguyên so với cả nước (đơn vị tính: %, làm tròn kết quả đến một chữ số của phần thập phân).

**Câu 24.** Cho bảng số liệu:

**Tổng diện tích rừng và rừng tự nhiên ở vùng Tây Nguyên giai đoạn 2010 - 2021**

 *(Đơn vị: nghìn ha)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2010** | **2015** | **2020** | **2021** |
| Tổng diện tích rừng | 2874,4 | 2561,9 | 2565,0 | 2572,1 |
| *Trong đó: Rừng tự nhiên* | 2653,9 | 2246,0 | 2179,8 | 2104,1 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2016, 2021)*

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính tốc độ tăng trưởng diện tích rừng trồng của vùng Tây Nguyên năm 2021 so với năm 2010 (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của %)